

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HC-PT

Ngày: 15-9-2021

*V/v Khiếu kiện hành vi hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh Vân.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Bằng

Ông Y Phi Kbuôr.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thê - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Ông Trần Văn Bắc - Chức vụ: Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15/9/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 01/2021/TLPT-DS ngày 04/6/2021 về việc “*Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 01/2021/HC-ST ngày 23/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXXPT-HC ngày 13/7/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1936, địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện bà Nguyễn Thị N: Ông Phan Thanh H, sinh năm 1983, địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (có mặt).

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk - địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Bùi Thanh L, chức vụ: Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. *Người kháng cáo:* Người khởi kiện bà Nguyễn Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của người khởi kiện bà Nguyễn Thị N, quá trình làm việc tại Tòa án người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện bà Nguyễn Thị N là ông Phan Thanh H trình bày:

Vào ngày 24/7/2020, bà Nguyễn Thị N có làm đơn đề nghị giải quyết về việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà với ông Nguyễn Minh Đ, cùng trú tại Thôn M, xã T, huyện K gửi lên Ủy ban nhân dân (gọi tắt là UBND) xã T. Nội dung đơn như sau: Bà Nguyễn Thị N và ông Phan T (nay ông Phan T đã chết) có mua của ông Nguyễn L một mảnh đất rẫy với diện tích 2.236m², có tứ cận Đông giáp ông T; Tây giáp ông Đ; Nam giáp ông H1 và ông L1; Bắc giáp đường chính. Bà Nguyễn Thị N và ông Phan T sử dụng ổn định không tranh chấp với ai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 462426. Năm 2003, ông Phan T mất nên GCNQSDĐ chuyển sang tên bà Nguyễn Thị N. Trong quá trình sử dụng đất hộ ông Nguyễn Minh Đ đã lấn chiếm sử dụng khoảng 152m². Có tứ cận: Đông giáp đất của bà Nguyễn Thị N, Tây giáp ông Đ, Nam giáp ông L1, Bắc giáp đường chính và sau đó xác lập hàng rào. Bà Nguyễn Thị N thấy việc ông Nguyễn Minh Đ lấn chiếm sử dụng diện tích đất trên là xâm hại đến quyền sử dụng đất của bà. Do vậy bà N làm đơn gửi đến UBND xã T xem xét giải quyết hòa giải việc tranh chấp đất đai giữa hai gia đình theo quy định của pháp luật đất đai, để có cơ sở cho bà N làm đơn khởi kiện ra Tòa án.

Sau khi bà N nộp đơn, UBND xã T không mời hòa giải theo quy định của pháp luật mà đã ban hành Công văn số 33/UBND-ĐCXD ngày 02 tháng 10 năm 2020 (sau đây gọi tắt là Công văn số 33) gửi cho bà Nguyễn Thị N với nội dung: Căn cứ kết quả kiểm tra, xác minh hồ sơ địa chính và thực tế sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Minh Đ và nội dung đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị N, UBND xã T nhận thấy không đủ căn cứ xác định hộ ông Nguyễn Minh Đ sử dụng đất của bà Nguyễn Thị N như nêu trong đơn.

Bà N không đồng ý với toàn bộ nội dung Công văn số 33 nên bà Nguyễn Thị N khởi kiện hành vi hành chính của Chủ tịch UBND xã T về việc không tiến hành hòa giải theo quy định của luật đất đai giữa bà Nguyễn Thị N với ông Nguyễn Minh Đ. Bà đề nghị Tòa án xem xét giải quyết: Buộc Chủ tịch UBND xã T tiến hành hòa giải tranh chấp đất đai giữa bà Nguyễn Thị N với ông Nguyễn Minh Đ cùng trú tại Thôn M, xã T, huyện K theo quy định của pháp luật. Sau khi hòa giải xong thì cung cấp cho bà N 01 bản sao biên bản hòa giải để bà làm thủ tục khởi kiện “Tranh chấp quyền sử dụng đất” giữa bà với ông

Nguyễn Minh Đ theo quy định của pháp luật.

Sau ngày Tòa án có Quyết định đưa vụ án ra xét xử và hoãn phiên tòa vào ngày 05/3/2021, ngày 25/3/2021 thì vào ngày 08/4/2021, bà Nguyễn Thị N có đơn khởi kiện bổ sung với nội dung: Yêu cầu Tòa án buộc Chủ tịch UBND xã T là ông Võ Hồng K chấm dứt những hành vi trái với nội dung làm việc ngày 24/12/2020 tại Tòa án như ra các quyết định triệu tập hòa giải liên quan tới việc tranh chấp đất đai giữa bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Minh Đ cùng trú tại Thôn M, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc hủy Quyết định thành lập hòa giải tranh chấp đất đai theo nội dung đơn của bà Nguyễn Thị N thường trú tại Thôn M, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk số 121/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 và biên bản làm việc ngày 06/01/2021 và ngày 11/01/2021 của Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai xã T. Ngoài ra không có yêu cầu gì thêm.

Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày:

Vào ngày 24/7/2020, bà Nguyễn Thị N có làm đơn đề nghị giải quyết về việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà với ông Nguyễn Minh Đ, cùng trú tại Thôn M, xã T, huyện K gửi lên UBND xã T. Sau khi tiếp nhận đơn của bà Nguyễn Thị N, thì cán bộ địa chính của xã T có xuống thực địa để xác minh, đo tổng hiện trạng thửa đất theo đơn của bà N và về đối chiếu với hồ sơ địa chính của xã lưu (gồm: Bản đồ giải thửa, sổ địa chính, sổ mục kê) thì thấy thửa đất trong giấy chứng nhận của bà Nguyễn Thị N không có trong bản đồ địa chính của xã và địa chính xã có liên hệ với Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện K để phô tô bản đồ tại vị trí đã cấp đất cho bà N. Vị trí thửa đất đã cấp cho bà N không đúng với thửa đất thực tế bà N đang sử dụng hiện nay. Do đó, UBND xã T đã có Công văn số 33 với nội dung: “Căn cứ kết quả kiểm tra, xác minh hồ sơ địa chính và thực tế sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Minh Đ và nội dung đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị N, UBND xã T nhận thấy không đủ căn cứ xác định hộ ông Nguyễn Minh Đ sử dụng đất của bà Nguyễn Thị N như nêu trong đơn”. Nên UBND xã T không tiến hành hòa giải theo đơn của bà N.

Nay bà Nguyễn Thị N khởi kiện hành vi hành chính đối với buộc Chủ tịch UBND xã T tiến hành hòa giải tranh chấp đất đai giữa bà Nguyễn Thị N với ông Nguyễn Minh Đ thì Chủ tịch UBND xã T có ý kiến như sau:

Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 28/12/2020, UBND xã T đã thành lập Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai theo nội dung đơn đề nghị của bà N. UBND xã T đã tiến hành mời bà N và ông Đ lên UBND xã để xã hòa giải theo đơn của bà N. Tuy nhiên, tại buổi hòa giải ngày 06/01/2021, bà N vắng mặt không có lý do mặc dù bà đã nhận được giấy mời hợp lệ của UBND xã T, còn ông Đ có mặt. Do vắng mặt bà N nên UBND xã T không tiến hành hành hòa

giải được và đã lập biên bản hòa giải không thành. Sau đó UBND xã T tiếp tục mời bà N và ông Đ đến UBND xã để hòa giải lần 2 vào ngày 11/01/2021. Tuy nhiên, tại buổi hòa giải ngày 11/01/2021 thì bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Minh Đ đều vắng mặt không có lý do. Do đó, UBND xã đã tiến hành lập biên bản làm việc về việc không tiến hành hòa giải được. Căn cứ khoản 4 Điều 57 của Luật tổ tụng hành chính, quy định về quyền, nghĩa vụ của người bị kiện đó là “dừng, khắc phục hành vi hành chính bị khởi kiện”. Do đó, người bị kiện đã tiến hành hòa giải theo quy định của pháp luật. Nên đối tượng khởi kiện trong trường hợp này không còn nên đề nghị Tòa án cũng như Hội đồng xét xử xem xét không chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

Đối với nội dung khởi kiện bổ sung của bà Nguyễn Thị N sau khi Tòa án mở phiên tòa: Đối với yêu cầu của bà N yêu cầu Tòa án buộc Chủ tịch UBND xã T là ông Võ Hồng K chấm dứt những hành vi trái với nội dung làm việc ngày 24/12/2020 tại Tòa án như ra các quyết định triệu tập hòa giải liên quan tới việc tranh chấp đất đai giữa bà N và ông Đ là mâu thuẫn với chính nội dung khởi kiện mà bà đang yêu cầu Tòa án giải quyết nên không có căn cứ chấp nhận; Đối với yêu cầu của bà N yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc hủy Quyết định thành lập hòa giải tranh chấp đất đai theo nội dung đơn của bà Nguyễn Thị N thường trú tại Thôn M, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk số 121/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 và biên bản làm việc ngày 06/01/2021 và ngày 11/01/2021 của Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai xã T thì thấy: Đây là Quyết định hành chính mang tính nội bộ của cơ quan, tổ chức và không được quyền khởi kiện theo quy định tại khoản 6 Điều 3, điểm c khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 123 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015 nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Tại bản án số 01/2021/HC-ST ngày 23/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc đã quyết định:

- Căn cứ vào khoản 3, 4 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31, khoản 1 Điều 115, Điều 116, khoản 1 Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 2, 3 của Điều 202 của Luật đất đai năm 2013 và khoản 1 Điều 88 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật đất đai năm 2013;

- Căn cứ vào Điều 2 Luật người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N về việc: Buộc Chủ tịch UBND xã T tiến hành hòa giải tranh chấp đất đai giữa bà Nguyễn Thị N với ông Nguyễn Minh Đ cùng trú tại Thôn M, xã T, huyện K theo quy định của

pháp luật. Sau khi hòa giải xong thì cung cấp cho bà N 01 bản sao biên bản hòa giải để bà làm thủ tục khởi kiện “Tranh chấp quyền sử dụng đất” giữa bà với ông Nguyễn Minh Đ theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 06/5/2021, bà Nguyễn Thị N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm khẳng định: Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính trong quá trình giải quyết vụ án; Về nội dung: Xét nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị N là không có căn cứ. Do vậy, đề nghị HĐXX phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị N, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 01/2021/HC-ST ngày 23/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của kiểm sát viên và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Xét nội dung kháng cáo của người khởi kiện, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Ngày 24/7/2020, bà Nguyễn Thị N làm đơn gửi đến UBND xã T đề nghị giải quyết về việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà với ông Nguyễn Minh Đ cùng trú tại Thôn M, xã T, huyện K. Sau khi bà N nộp đơn và cung cấp đầy đủ giấy tờ về nguồn gốc đất thì cán bộ địa chính xã T có xuống thực địa để xác minh, đo tổng hiện trạng thửa đất của bà N, của ông Đ và của ông T giáp với bà N nhưng không lập biên bản. Ngày 02/10/2020, UBND xã T đã ban hành Công văn số 33/UBND-ĐCXD gửi cho bà Nguyễn Thị N với nội dung: Căn cứ kết quả kiểm tra, xác minh hồ sơ địa chính và thực tế sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Minh Đ và nội dung đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị N, UBND xã T nhận thấy không đủ căn cứ xác định hộ ông Nguyễn Minh Đ sử dụng đất của bà Nguyễn Thị N như nêu trong đơn mà không tiến hành hòa giải theo đơn yêu cầu của bà N. Việc Chủ tịch UBND xã T không tiến hành hòa giải tranh chấp đất đai theo yêu cầu của bà N là vi phạm quy định tại các khoản 2, 3 Điều 202 của Luật đất đai năm 2013 và khoản 1 Điều 88 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày

15/5/2014 của Chính phủ, ảnh hưởng đến quyền lợi của bà N. Do vậy, việc bà N khởi kiện hành vi hành chính trên là có căn cứ.

Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, vào các ngày 28/12/2020, ngày 06/01/2021 và ngày 11/01/2021, Chủ tịch UBND xã T đã tiến hành các thủ tục để tiến hành thủ tục hòa giải theo quy định của pháp luật, là phù hợp quy định tại khoản 4 Điều 57 của Luật tổ tụng hành chính. Hành vi hành chính mà bà Nguyễn Thị N khiếu kiện đã được người bị kiện thực hiện, do đó Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện là phù hợp, có căn cứ.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị N đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung về việc yêu cầu hủy Quyết định thành lập hòa giải tranh chấp đất đai số 121/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 và hủy Biên bản làm việc ngày 06/01/2021 và ngày 11/01/2021 của Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai xã T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Đối với Quyết định thành lập hòa giải tranh chấp đất đai, đây là quyết định hành chính mang tính chất nội bộ, không thuộc đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính. Đối với các biên bản làm việc về việc không tiến hành hòa giải được là những biên bản ghi lại sự việc, không làm phát sinh, thay đổi quyền và nghĩa vụ của người khởi kiện. Do đó việc bà N khởi kiện bổ sung yêu cầu hủy các quyết định trên là không thuộc đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính. Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét yêu cầu khởi kiện bổ sung của người khởi kiện là phù hợp.

[4] Xét nội dung khiếu nại của bà Nguyễn Thị N về hành vi tổ tụng của Thẩm phán trong đơn kháng cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng đây là khiếu nại hành vi tổ tụng của người tiến hành tổ tụng và đã được giải quyết theo quy định về khiếu nại nên hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét giải quyết.

[5] Từ những phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị N, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

[6] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Tuy nhiên, bà N là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn toàn bộ tiền án phí hành chính phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị N.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241; khoản 4 Điều 57 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Căn cứ vào các khoản 2, 3 Điều 202 của Luật đất đai năm 2013 và khoản 1 Điều 88 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Bác toàn bộ kháng cáo của bà Nguyễn Thị N – Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 01/2021/HC-ST ngày 23/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

Tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N về việc: Buộc Chủ tịch UBND xã T tiến hành hòa giải tranh chấp đất đai giữa bà Nguyễn Thị N với ông Nguyễn Minh Đ cùng trú tại Thôn M, xã T, huyện K theo quy định của pháp luật. Sau khi hòa giải xong thì cung cấp cho bà N 01 bản sao biên bản hòa giải để bà làm thủ tục khởi kiện “Tranh chấp quyền sử dụng đất” giữa bà với ông Nguyễn Minh Đ theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị N.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hạnh Vân